



Các công ty xuyên quốc gia và tác động đối với KINH TẾ VIỆT NAM

ThS. Ngô Tuấn Thắng

Khoa Quốc tế học - Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn

Hiện nay, các công ty xuyên quốc gia (TNCs) được coi là chủ thể kinh tế đặc biệt và có mặt trong các lĩnh vực kinh tế ở hầu hết các nơi trên thế giới. Với qui mô và mạng lưới hoạt động rộng khắp, vai trò và ảnh hưởng của TNCs đối với nền kinh tế của các quốc gia cũng như nền kinh tế thế giới là rất lớn. Việt Nam là một trong số những nước thuộc khu vực Đông Nam Á - khu vực có sức hút mạnh mẽ đối với TNCs, và cũng là quốc gia đã, đang chủ động hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế. Những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội của Việt Nam trong hơn 25 năm đổi mới được đánh giá là có phần đóng góp của TNCs. Tuy nhiên, vẫn có nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam vẫn chưa tận dụng hết các cơ hội có được từ các TNCs.

Vài nét về TNCS

Các công ty xuyên quốc gia hay còn được biết nhiều đến với những cái tên như công ty quốc tế, công ty toàn cầu... đều nhằm mục đích mô tả một cơ cấu tổ chức tập trung các hoạt động kinh tế đa quốc gia, hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận trên phạm vi quốc tế¹. TNCs ra đời trong thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản nhưng chỉ thực sự hình thành và phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc. Đến hai thập niên cuối của thế kỷ XX, TNCs nổi lên như một lực lượng thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới. Vai trò của TNCs ngày càng tăng nhanh, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội của thế giới thông qua các hình thức hoạt động thương mại, đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển.

Hầu hết các hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện qua kênh của TNCs. TNCs là chủ thể hoạt động đầu tư thế giới, là nhân tố đặc biệt quan trọng có ảnh hưởng mang tính quyết định tới toàn bộ hoạt động đầu tư quốc tế. Năm 1999, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của TNCs đạt 441 tỉ USD, chiếm 69% tổng số FDI của thế giới², thì tới đến năm 2005, TNCs đã chi phối trên 90% FDI của toàn thế giới, theo báo cáo của Hội nghị về Thương mại và Phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD). Trong những năm gần đây, lượng FDI giảm sút do các nước phát triển bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng của nền kinh tế thế giới, các hoạt động mua bán và sáp nhập xuyên biên giới sa sút và đầu tư mới sụt giảm. Cũng theo báo cáo của UNCTAD, luồng vốn FDI toàn cầu năm 2011 là 1.500 tỉ USD, tăng 16% so với năm 2010, vượt mức trung bình giai đoạn trước khủng hoảng năm 2005 - 2007, song vẫn thấp hơn 23% so với mức cao đỉnh điểm của năm 2007³. Giá trị của lượng FDI thực sự là thước đo quan trọng trong việc đánh giá vai trò của TNCs trong nền kinh tế thế giới. Với mạng lưới qui mô rộng khắp và chiến lược kinh doanh tối đa hóa lợi nhuận, TNCs đang ngày càng chứng minh vai trò điều tiết hoạt động đầu tư của thế giới một cách rõ ràng hơn.

Vai trò của TNCs đối với thương mại quốc tế thể hiện ở việc thúc đẩy hoạt động thương mại phát triển, làm thay đổi cơ cấu thương mại quốc tế. TNCs chi phối hầu hết các quá trình chuyển hàng hóa giữa các quốc gia bởi các kênh lưu thông xuyên quốc gia của mình. Tổng giá trị xuất khẩu của các chi nhánh TNCs tại các nước trên thế giới đã chiếm một tỉ lệ ngày càng lớn trong giá trị xuất khẩu của nhiều quốc gia. Trong những năm gần đây, TNCs chiếm khoảng 40% giá trị nhập khẩu và 60% giá trị xuất khẩu của toàn thế giới.

Một vai trò không thể không kể tới của TNCs đó là việc phát triển công nghệ và phân công lao động quốc tế. Tầm quan trọng của khoa học công nghệ đối với việc phát triển kinh tế - xã hội thu hút sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia và các doanh nghiệp. Sự thay đổi mau chóng của công nghệ đang tạo ra nền sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn. TNCs coi công nghệ là yếu tố giữ vị trí hàng đầu trong việc tạo lợi thế cạnh tranh. Đi đầu trong lĩnh vực công nghệ cũng chính là nâng cao năng lực cạnh tranh và có vị trí độc quyền để chiếm

lĩnh thị trường. TNCs chiếm hơn 50% tổng chi phí nghiên cứu và phát triển toàn cầu, cùng hơn 2/3 tổng chi phí nghiên cứu và phát triển kinh doanh toàn cầu⁴. Họ chuyển giao công nghệ dưới nhiều hình thức thông qua những kênh chính thức hoặc không chính thức.

Tác động của TNCs đối với nền kinh tế Việt Nam

Với mạng lưới trên toàn thế giới, TNCs hiện có 77.000 công ty mẹ và 900.000 chi nhánh nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế. Trong điều kiện quốc tế hóa và lưu thông hàng hóa toàn cầu, TNCs không thể bỏ qua một khu vực đầy tiềm năng như Đông Nam Á. Ngoài vị trí chiến lược quan trọng trên bản đồ thế giới, Đông Nam Á còn có thị trường nội địa lớn, lực lượng lao động đông đảo và giá lao động tương đối thấp, nguồn tài nguyên phong phú, trữ lượng lớn về dầu mỏ, than đá, thiếc... để phát triển các ngành công nghiệp, khai khoáng. Rõ ràng, với các ưu thế như vậy, Đông Nam Á có một sức hút đặc biệt với TNCs. Việt Nam là một quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, nên cũng không nằm ngoài sự thu hút đặc biệt đối với TNCs.

Kể từ khi Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế. Kể từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài (năm 1987), qua bốn lần sửa đổi, hoàn thiện, cùng sự ra đời của Luật Đầu tư năm 2005, Việt Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài, thu hẹp sự khác biệt về chính sách đầu tư giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước. Đối tác đầu tư ở Việt Nam hiện nay cũng khá đông với hơn 86 nước và lãnh thổ. Theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết ngày 30/4/2006, trong 500 TNCs hàng đầu thế giới đã có 106 TNCs có mặt tại Việt Nam. Các TNCs đầu tư tại Việt Nam trên hầu hết các lĩnh vực như dầu khí, điện, năng lượng, điện tử viễn thông, tài chính ngân hàng, ô tô, xe máy...

Các tác động tích cực của TNCs đối với nền kinh tế Việt Nam thể hiện *trước hết* là nguồn vốn đầu tư. Vốn đầu tư của TNCs là yếu tố quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp quan trọng vào GDP với tỉ trọng khá cao. Khu vực này góp phần tăng cường năng lực cạnh

tranh, sản xuất của các ngành kinh tế, khai thông thị trường sản phẩm và đóng góp cho ngân sách quốc gia, tạo công ăn việc làm cho một bộ phận lao động. Lượng FDI vào Việt Nam năm 2009 đạt 21,48 tỉ USD với 1.504 dự án FDI. Việt Nam có quan hệ thương mại với hơn 220 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được hơn 8.000 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký hơn 100 tỉ USD. Nhiều nhà đầu tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia đã và đang đặc biệt quan tâm đến Việt Nam. Tại các Hội nghị tư vấn tài trợ cho Việt Nam, tổng cam kết tài trợ liên tục tăng, từ 4,4 tỉ USD năm 2006 đến hơn 7,9 tỉ USD năm 2010, nhưng cũng đã giảm xuống còn 7,43 tỉ USD vào năm 2011⁵.

Thứ hai, TNCs góp phần tích cực vào tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng có vị trí quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, cùng với khu vực tư nhân trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp khoảng 51% tổng giá trị GDP hàng năm, tương đương với tổng sản phẩm quốc dân khu vực nhà nước. Bên cạnh góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, hoạt động đầu tư của TNCs còn nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp và xuất khẩu.

Thứ ba, TNCs phát triển mạnh đã tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động và phát triển nguồn nhân lực. Số việc làm trực tiếp ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, nhưng để có được bức tranh tổng quát về vai trò tạo việc làm của khu vực này thì phải kể tới việc gián tiếp tạo ra công việc. Tính đến cuối năm 2011, khu vực FDI tạo ra hơn 2,3 triệu việc làm trực tiếp và hàng triệu việc làm gián tiếp⁶, trong đó có hàng vạn kĩ sư, nhà quản lí trình độ cao, đội ngũ công nhân lành nghề, với thu nhập ngày càng tăng, du nhập phương thức lao động, kinh doanh và quản lí tiên tiến.

Với quá trình chuyển giao công nghệ ở Việt Nam, công nghệ tiên tiến của các nước và vùng lãnh thổ có TNCs đầu tư vào Việt Nam giúp nâng cao năng lực sản xuất trong nước, sản xuất ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh với nước ngoài. Nhờ có thu hút được các doanh nghiệp FDI, ở Việt Nam đã xuất hiện các ngành công nghệ cao như bưu chính viễn thông, lắp ráp sản xuất ô tô, xe máy, khai thác dầu khí...

Bên cạnh những lợi ích mà TNCs mang lại cho

nền kinh tế Việt Nam, cũng không thể không nhắc đến các thách thức đối với kinh tế Việt Nam trước sự gia tăng của TNCs. Trước hết, TNCs đã hoạt động tại Việt Nam có qui mô các dự án vốn chủ yếu vẫn còn vừa và nhỏ, hình thức sở hữu chủ yếu là liên doanh (do Việt Nam hạn chế thành lập công ty chi nhánh 100% vốn của công ty mẹ); cơ cấu đầu tư theo ngành tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp và có những đóng góp không nhỏ vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Địa bàn đầu tư của TNCs cũng mở rộng trên hầu hết các tỉnh, thành phố ở Việt Nam, nhưng cũng chỉ tập trung ở các nhà máy, xí nghiệp lớn ở các trung tâm thành phố, hoặc các địa phương có cơ sở hạ tầng tốt, đường sá thuận lợi.

Mục tiêu của TNCs là tối đa hóa lợi nhuận và điều này thường xuyên mâu thuẫn với mục tiêu phát triển của Việt Nam là tăng trưởng đồng đều, nhanh và bền vững. Một số công ty đầu tư vào với mục tiêu làm ăn không dài hạn thường hay không chú ý đến lợi ích cho các cộng đồng dân cư. TNCs cũng khiến các công ty nội địa đi tới phá sản do TNCs thường có thế mạnh về tài chính, kĩ thuật và đôi khi còn được hưởng những chính sách, ưu đãi vay vốn lớn hơn. Chi phí chuyển giao công nghệ khoa học, kĩ thuật của TNCs thường cao, do đó gia tăng thêm sự phụ thuộc của nền kinh tế vào vốn, kĩ thuật và mạng lưới tiêu thụ hàng hóa của các công ty này.

Đồng thời, trong sự phát triển của nền kinh tế, sức ép từ các TNCs đối với các vấn đề xã hội ngày càng tăng. Ô nhiễm môi trường, quá trình đô thị hóa diễn ra quá nhanh do các doanh nghiệp FDI phát triển không ngừng, các dự án dùng nhiều đất nông nghiệp, xây dựng sân golf ở đồng bằng, vùng đất màu mỡ và những dự án "bán bờ biển" cho các nhà kinh doanh du lịch nước ngoài tạo ra hiện tượng thất nghiệp và rất dễ làm tổn thương đến lợi ích lâu dài của các thế hệ tương lai. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp không tuân thủ các qui định của pháp luật Việt Nam, gây nhiều bất công cho lao động sở tại: kéo dài thời gian thử việc, trả lương thấp, cường độ làm việc cao, căng thẳng... Những năm gần đây, tình hình kinh tế quốc tế biến động theo chiều hướng không thuận lợi, giá cả thị trường thế giới có xu hướng giảm, nợ công ở nhiều nước vẫn là nguy cơ lớn khiến cho đầu tư của TNCs kém hiệu quả. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê năm 2010, trên

50% doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam báo lỗ, nhiều doanh nghiệp báo lỗ liên tục, nhưng vẫn không ngừng mở rộng sản xuất. Những thách thức, khó khăn và đòi hỏi Việt Nam cần có những giải pháp hợp lý để có thể xây dựng nền kinh tế phát triển đồng đều, hài hòa và bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh thu hút TNCs

Là một nước đi sau trong lĩnh vực thu hút đầu tư TNCs cả về thời gian và kinh nghiệm so với các quốc gia láng giềng trong khu vực Đông Nam Á, tuy nhiên, với nhận thức kịp thời và sáng suốt, tiếp tục chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa...” và “Việt Nam là bạn và đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới”, qua hơn 25 năm đổi mới, Việt Nam đã thu được rất nhiều thành tựu. Số dự án đầu tư FDI liên tục tăng mạnh, qui mô vốn của các dự án cũng thay đổi đáng khích lệ với các nhà đầu tư đến từ các nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xingapo hoặc các quốc gia Liên minh châu Âu.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của TNCs như “một luồng sinh khí mới vào nền kinh tế Việt Nam”, chúng ta cần tiếp tục đưa ra nhiều biện pháp để có thể đổi mới và tạo môi trường thuận lợi cho thu hút đầu tư TNCs. Trước hết, đó là việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước theo xu hướng tăng thêm ưu đãi về tài chính cho nhà đầu tư nước ngoài, song song với đó là việc kiểm soát chặt chẽ những điều kiện liên quan đến phát triển ổn định, bền vững. Những việc làm đó sẽ tăng thêm hình ảnh, uy tín cho môi trường đầu tư ổn định ở Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong điều kiện kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng chậm.

Thứ hai, để thu hút TNCs tham gia đầu tư ở Việt Nam thì cơ sở hạ tầng của đất nước cũng cần được cải thiện hơn nữa. Dù đã chú trọng đầu tư rất nhiều để xây dựng các khu kinh tế, khu chế xuất, khu thương mại tự do... nhưng cơ sở hạ tầng vẫn được xem là một trong ba nút cổ chai của kinh tế Việt Nam, đặc biệt là hệ thống điện, nước và giao

thông. Bên cạnh đó, dịch vụ, văn hóa và giáo dục còn nhiều bất cập. Cần phải phát triển đồng bộ cả kết cấu hạ tầng vật chất - kĩ thuật lẫn yếu tố dịch vụ, đồng thời phát triển nguồn nhân lực. Công tác đào tạo, giáo dục nguồn nhân lực cần có chiến lược, tăng tính kết nối giữa đào tạo, dạy nghề với nhà sản xuất và hoạch định chính sách, có kế hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Có thể nói, hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh; nhiều cơ hội song cũng đầy thách thức, do đó chúng ta cần có kế hoạch và lộ trình thích hợp, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, vừa phù hợp với những phương thức cộng tác, kinh doanh và đầu tư của các công ty xuyên quốc gia nói riêng, cũng như đáp ứng các qui định của các tổ chức quốc tế nói chung. Với các lợi thế nổi bật như nguồn lao động trẻ, cần cù, chịu khó, chính trị - xã hội ổn định, chính sách đầu tư cởi mở, vị trí địa lí thuận lợi..., Việt Nam có triển vọng trở thành một nền kinh tế tăng trưởng không dựa vào những hỗ trợ tài chính trong tương lai. Và để tạo được môi trường đầu tư thuận lợi và những bước đột phá mới về kinh tế của Việt Nam nhằm thu hút TNCs không phải là một việc dễ dàng, nhưng nếu có chiến lược đúng đắn và có sự chuẩn bị, phối hợp tích cực, chủ động thì các TNCs sẽ có những đóng góp ngày càng có hiệu quả hơn nữa vào phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới. 🌐

1. Nguyễn Thiết Sơn, *Các công ty xuyên quốc gia - Khái niệm, đặc trưng và những biểu hiện mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

2. Nguyễn Văn Dân, *Những vấn đề của toàn cầu hóa kinh tế*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001.

3. <http://taichinh.vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/2012/07/fdi-toan-cau-tang-cham-17316/>

4. <http://www.baomoi.com/Cong-ty-xuyen-quoc-gia-giup-thuc-day-cong-nghe/53/5710351.epi>

5. <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2012/07/fdi-vao-viet-nam-giam-manh-nhat-dong-nam-a/>

6. Việc làm gián tiếp ở đây là những việc làm tại các doanh nghiệp không có vốn nhưng có quan hệ phụ thuộc khu vực FDI như cung cấp nguyên liệu, thành phẩm đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra.